

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 25/7/2025.

V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Nhân; Ông Đặng Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang: Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 388/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp hôn nhân gia đình “Ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 387/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Trung H, sinh năm 1995; Căn cước 087095017669; Nơi cư trú số 50, tổ G, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp); có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị C năm 1993 nơi cư trú ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang (nay là xã C, tỉnh An Giang) vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Trung H trình bày: ông và bà C1 do quen biết và tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T vào năm 2014. Vợ chồng chung sống được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông đi làm ăn xa vợ tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng bất đồng quan điểm không thể hàn gắn và không còn chung sống với nhau từ năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với bà C1.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Cát T, sinh ngày 22/01/2014 hiện đang sống với bà C1; khi ly hôn yêu cầu đồng ý giao con chung cho bà C1 được tiếp tục nuôi dưỡng; ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn bà Phan Thị C1 đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: ông H và bà C1 kết hôn có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không còn chung sống với nhau, nhận thấy tình cảm không còn, ông H yêu cầu ly hôn; Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Cát T, sinh ngày 22/01/2014; hiện đang sống với bà C1; khi ly hôn ông H đồng ý để bà C1 được tiếp tục nuôi con, ông không cấp dưỡng nuôi con. Bà C1 không có ý kiến phản hồi và không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được; nên việc ông H xin ly hôn và đồng ý để bà C1 tiếp tục nuôi con chung là phù hợp Điều 56, 80, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại xã C, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân khu vực 11 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. *Về nội dung tranh chấp*: ông H và bà C1 kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo ông H trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do ông đi làm xa bà C1 bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau và không còn chung sống từ năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, ông H yêu cầu ly hôn với bà C1. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án về việc ông H yêu cầu ly hôn và triệu tập bà C1 tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng bà C1 vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của ông H. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân do bà C1 bỏ về nhà cha mẹ sinh sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc lựa chọn nơi sinh sống và không còn chung sống từ

năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H xin ly hôn bà C1.

[3] Về quan hệ con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị Cát T, sinh ngày 22/01/2014 hiện đang sống với bà C1; khi ly hôn ông H đồng ý để bà C1 tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung, ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, con chung do bà C1 nuôi dưỡng cuộc sống đã ổn định. Trong quá trình giải quyết bà C1 cũng không có ý kiến. Do đó, để bà C1 được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp với pháp luật, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

[5] Về quan hệ nợ chung: không có.

[6] Án phí hôn nhân sơ thẩm: ông H phải chịu là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, 80, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trung H xin ly hôn bà Phan Thị C1.

- Về quan hệ con chung:

Bà Phan Thị C1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Cát T, sinh ngày 22/01/2014; ông Lê Trung H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà C1 cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: các bên không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc ông H xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì ông H, bà C1 phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Lê Trung H phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0024510 do Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Chợ Mới (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – An Giang) cấp ngày 25/4/2025.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 11;
- VKSND khu vực 11;
- UBND xã Tân Hồng
- ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Bình